

Số: /TB-PCTT

Tiền Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2024

**THÔNG BÁO SỐ 63**

**Tình hình mặn khu vực tỉnh Tiền Giang**

(Từ 12 giờ ngày 21/02/2024 đến 12 giờ ngày 22/02/2024)

(Bản tin phát hình)

| Stt                                          | Vị trí điểm đo                                       | Độ mặn cao nhất (gam/lít) | So với ngày trước (gam/lít) | So với cùng kỳ năm 2023 | So với cùng kỳ năm 2016 |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I Trên Sông Tiền</b>                      |                                                      |                           |                             |                         |                         |
| 1                                            | Cổng Vàm Giồng (xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây)      | 4,20                      | tăng 0,7 g/l                | cao hơn 0,1 g/l         | thấp hơn 2,9 g/l        |
| 2                                            | Bến Đò Hòa Định (xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo)         | 1,30                      | giảm 0,2 g/l                | thấp hơn 0,7 g/l        | thấp hơn 4,2 g/l        |
| 3                                            | Cổng Xuân Hoà (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)          | 0,34                      | giảm 0,11 g/l               | thấp hơn 0,42 g/l       | thấp hơn 2,76 g/l       |
| 4                                            | Vàm Tân Mỹ Chánh (phường 9, thành phố Mỹ Tho)        | 0,25                      | giảm 0,05 g/l               | thấp hơn 0,09 g/l       | thấp hơn 1,53 g/l       |
| 5                                            | Công Viên Lạc Hồng (phường 1, thành phố Mỹ Tho)      | 0,16                      | tăng 0,01 g/l               | thấp hơn 0,04 g/l       | thấp hơn 1,32 g/l       |
| 6                                            | Cầu Trường Chinh Trị (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho) | 0,00                      | tương đương                 | tương đương             | thấp hơn 0,6 g/l        |
| <b>II Trên Sông Soài Rạp và Kênh Chợ Gạo</b> |                                                      |                           |                             |                         |                         |
| 1                                            | Cầu Nổi (xã Bình Đông, thị xã Gò Công)               | 14,00                     | tăng 0,6 g/l                | thấp hơn 2,9 g/l        | thấp hơn 0,9 g/l        |
| 2                                            | Cổng số 3 (xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây)           | 7,82                      | giảm 0,54 g/l               | thấp hơn 0,18 g/l       | thấp hơn 4,88 g/l       |
| 3                                            | Cổng số 1 (xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo)         | 7,20                      | tăng 3,8 g/l                | cao hơn 6,8 g/l         | cao hơn 5,7 g/l         |
| 4                                            | Cầu Chợ Gạo (thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo)        | 3,00                      | tăng 2,4 g/l                | cao hơn 2,5 g/l         | cao hơn 1,4 g/l         |
| 5                                            | Bến Đò Xuân Đông (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)       | 0,55                      | giảm 0,05 g/l               | cao hơn 0,55 g/l        | thấp hơn 1,25 g/l       |

|            |                                                                             |      |               |                  |                  |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|------|---------------|------------------|------------------|
| <b>III</b> | <b>Trên Sông Hàm Luông</b>                                                  |      |               |                  |                  |
| 1          | Mỹ Hóa<br>Phường 7, TP Bến Tre<br>(45km)<br>Cách sông Tiền 29km             | 2,90 | tương đương   | thấp hơn 1,1 g/l | thấp hơn 3,5 g/l |
| 2          | An Hiệp<br>Xã An Hiệp, Châu Thành,<br>Bến Tre (55km)<br>Cách sông Tiền 19km | 1,10 | tương đương   | thấp hơn 1,2 g/l | thấp hơn 3,9 g/l |
| 3          | Vàm Mơn<br>Phú Sơn, Chợ lách, Bến Tre<br>(65km)<br>Cách sông Tiền 9km       | 0,10 | tương đương   | thấp hơn 0,2 g/l | thấp hơn 1,9 g/l |
| 4          | Hòa Nghĩa<br>Bến phà Tân Phú (72km)<br>Cách sông Tiền 2km                   | 0,00 | tương đương   | tương đương      | tương đương      |
| <b>IV</b>  | <b>Trên Sông Vàm Cỏ Tây:</b>                                                |      |               |                  |                  |
| 1          | Tân An<br>Cầu Tân An, TP Tân An<br>(75km)                                   | 0,70 | tăng 0,20 g/l | tương đương      | thấp hơn 2,8 g/l |

**- Dự án ngọt hóa Gò Công:**

- + Cổng Xuân Hòa vận hành lấy gạn.
- + Mức nước trên kênh trục chính: từ +0,33 đến +0,35 mét.

**- Dự án Bảo Định:**

- + Cổng Gò Cát, Bảo Định, Xoài Hột vận hành lấy nước.
- + Mức nước trên kênh trục chính: từ +0,38 đến +0,51 mét.

**- Dự án Phú Thạnh-Phú Đông:**

- + Tất cả các cống đóng ngăn mặn.
- + Mức nước trên kênh trục chính: từ -0,20 đến -0,19 mét.

**- Các cống trên đường tỉnh 864 (giai đoạn 1):** cống Cầu Cống, Rạch Gầm, Phú Phong, Cây Còng, Hai Tân, Mù U, Cái Sơn, Chùa 1 vận hành tự do.

**Nơi nhận:**

- Sở NN&PTNT Tiền Giang;
- Cty TNHH MTV Khai thác CTTL TG;
- UBND các huyện, thị, thành;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế TPMT, TX Gò Công và TX Cai Lậy;
- Chi cục Thủy lợi;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tiền Giang;
- Lưu VT.

**TL.TRƯỞNG BAN  
CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Nguyễn Đức Thịnh**